

GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ XÃ HỘI VÌ CON NGƯỜI LÀ THUỘC TÍNH CƠ BẢN CỦA CHẾ ĐỘ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

TS PHAN THUẬN

Học viện Chính trị khu vực IV

1. Giải quyết vấn đề xã hội vì con người là trọng tâm trong chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước

Giải quyết vấn đề xã hội có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của một quốc gia, bởi lẽ coi trọng giải quyết vấn đề xã hội là coi trọng nhân tố con người, vì sự phát triển con người. Con người vừa là mục tiêu và động lực của đổi mới, vừa là chủ thể sáng tạo của phát triển xã hội. Con người đứng ở vị trí trung tâm của sự phát triển¹. Cho nên, giải quyết vấn đề xã hội là một trong những tư tưởng chỉ đạo chiến lược của Đảng trong quá trình lãnh đạo.

Vào tháng 12-1986, Đảng ta đã thẳng thắn đánh về những kết quả đạt được và hạn chế trong quá trình kiến thiết đất nước. Từ thực tiễn cách mạng trước đó, Đảng ta rút ra bài học kinh nghiệm là “quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động. Đảng ta không có mục đích nào khác là đấu tranh vì hạnh phúc của nhân dân². Chính vì thế, Đảng ta đã khẳng định: “Chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người ...”³. Đồng thời, “phát huy yếu tố con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động”⁴. Để “tiến tới xóa bỏ cơ sở kinh tế - xã hội của bất công xã hội”⁵, Đảng ta đã xác định các vấn đề xã hội cần được giải quyết là kế hoạch hóa dân số, giải quyết việc làm cho người lao động;...; chăm lo đáp ứng các nhu cầu giáo dục, văn hóa, bảo vệ và tăng cường sức

khỏe của nhân dân; bảo trợ xã hội...⁶. Như vậy, mục tiêu lớn nhất của giải quyết vấn đề xã hội thông qua chính sách xã hội là vì con người và hạnh phúc của nhân dân.

Sau Đại hội VI, các vấn đề xã hội tiếp tục được giải quyết theo tinh thần Đại hội VII của Đảng, đó là chính sách tiền lương và thu nhập, bảo hiểm xã hội, dân số và việc làm, giáo dục - đào tạo, gia đình văn hóa mới. Để giải quyết các vấn đề này, Đảng xác định: “chính sách xã hội thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế, đều nhằm phát huy sức mạnh của nhân tố con người và vì con người. Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân. Coi phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện các chính sách xã hội, thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế”⁷.

Tại Đại hội VIII, Đảng ta xác định: “Chăm lo cho con người, cho cộng đồng xã hội là trách nhiệm của toàn xã hội, của mỗi đơn vị, của từng gia đình, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân”⁸. Để giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội, Đảng ta đã chỉ đạo: “chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội theo tinh thần xã hội hóa, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt”⁹ và “kết hợp hài hòa tăng trưởng kinh tế với phát triển xã hội, tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc nhằm tạo được chuyển biến rõ về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội”¹⁰.

Giải quyết tốt các vấn đề xã hội là tiếp tục được thể hiện tại Đại hội Đảng lần thứ IX: “Thực hiện các chính sách xã hội hướng vào phát triển và lành mạnh hóa xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp¹¹. Trong đó, tiếp tục giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc như dân số và việc làm, xóa đói giảm nghèo, tiền lương và thu nhập, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội và dịch bệnh AIDS. Giải quyết các vấn đề xã hội có hiệu quả là là yếu tố quyết định để phát huy nhân tố con người¹².”

Các vấn đề xã hội cần được giải quyết được Đảng ta xác định tương tự như các kỳ đại hội trước, tuy nhiên tại Đại hội X, Đảng ta chủ trương “xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng” và lần đầu tiên đảng ta đề cập vấn đề an sinh xã hội trong Văn kiện Đại hội. Để giải quyết các vấn đề xã hội, Đảng ta đã đề ra phương hướng và nhiệm vụ là phải “thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn quyền lợi và nghĩa vụ, cống hiến và hưởng thụ, tạo động lực mạnh mẽ và bền vững hơn cho phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc¹³.”

Tại Đại hội XI, Đảng ta nhận định: “giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, thực hiện chính sách với người và gia đình có công, chính sách an sinh xã hội đạt kết quả tích cực¹⁴.” Mặc dù vậy, giải quyết các vấn đề xã hội còn tồn tại không ít hạn chế. Vì thế, Đảng ta đã chỉ đạo: Tập trung giải quyết tốt chính sách lao động, việc làm và thu nhập; đảm bảo an sinh xã hội; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân và công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; đấu tranh phòng, chống có hiệu quả tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông. Tất cả điều này để hướng đến “xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội¹⁵.”

Mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội tiếp tục đề cập tại Đại hội XII với phương hướng chỉ đạo là phải “có các giải pháp quản lý hiệu quả để giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, ngăn chặn, giải quyết có hiệu

quả những vấn đề xã hội bức xúc, những mâu thuẫn có thể dẫn đến xung đột xã hội;... khắc phục xu hướng gia tăng phân hóa giàu - nghèo, bảo đảm sự ổn định và phát triển xã hội bền vững...”¹⁶ nhằm góp phần “đảm bảo an toàn xã hội, an ninh con người”¹⁷. Đây là lần đầu tiên văn kiện đại hội Đảng nhắc đến khái niệm “an ninh con người”.

Tại Đại hội XIII, Đảng ta đã dự báo: “Biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp, khốc liệt và khó lường, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và cuộc sống người dân. Già hóa dân số nhanh dẫn đến áp lực lên hệ thống an sinh xã hội và tác động đến tăng trưởng kinh tế...”¹⁸. Vì thế, Đảng ta đã chỉ đạo giải quyết các vấn đề xã hội có hiệu quả trong thời gian tới là “quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội... chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển; quan tâm đến mọi người dân, bảo đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập, thực hiện tốt phúc lợi xã hội, an sinh xã hội. Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”¹⁹.

Cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách xã hội để giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình phát triển. Trong đó, thực hiện tốt chính sách xóa đói giảm nghèo, góp phần thành công mục tiêu quốc gia về công tác xóa đói giảm nghèo. Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi (CT 135-II); Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững cho 62 huyện nghèo (Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP, ngày 27-12-2008); Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012 - 2015, 2016 - 2020; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

Nhà nước ta cũng đã ban hành một số chính sách an sinh xã hội, giúp các nhóm xã hội dễ bị tổn thương vượt qua khó khăn, tăng cơ hội cho họ tiếp cận được dịch vụ xã hội cơ bản, đảm bảo an ninh con người, an ninh xã hội trong bối cảnh xã hội đầy biến động. Cụ

thể, Nghị định số 152/2006/NĐ-CP ngày 22-12-2006 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội (BHXH) về BHXH bắt buộc; Nghị định số 190/2007/NĐ-CP ngày 16-8-2007 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện; Nghị định 05/CP ngày 26-01-1994 của Chính phủ quy định chế độ trợ cấp đối với các đối tượng chính sách; Nghị định số 62/2009/NĐ-CP ngày 27-7-2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 10-5-2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 4/2017 “hỗ trợ bảo hiểm y tế”; Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31-10-2016 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020. Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31-10-2016 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020.

Đại dịch Covid-19 trong năm 2020 và 2021 đã tác động nghiêm trọng đến đời sống của nhân dân. Nhà nước đã ban hành kịp thời nhiều chính sách an sinh xã hội đối với nhiều nhóm xã hội chịu tác động của đại dịch Covid-19, gồm: Quyết số 42/NQ-CP ngày 9-4-2020 về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; Nghị quyết 68/NQ-CP và Nghị quyết 126/NQ-CP “sửa đổi, bổ sung ngày 01-7-2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; Quyết định 23/QĐ-TTg ngày 7-7-2021 quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ cho người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng dịch Covid-19; Nghị quyết 116/NQ-CP về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp. Quyết định 27/2021/QĐ-TTg về việc giảm tiền thuê đất của năm 2021 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 được giảm 30% tiền thuê đất của năm 2021 cho nhiều đối tượng.

Nhìn chung, trải qua gần 40 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước không ngừng nỗ lực giải quyết các vấn đề xã hội, để hướng tới mục tiêu “khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc...; bảo đảm

an ninh xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam”²⁰. Tất cả chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đều lấy “con người là trung tâm của chiến lược phát triển”²¹ và “thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển là một chủ trương lớn, nhất quán của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa”²². Vì thế, Đảng ta chủ trương giải quyết tốt các vấn đề xã hội, coi đây là một hướng chiến lược thể hiện bản chất ưu việt của chế độ ta²³.

2. Thực trạng giải quyết vấn đề xã hội ở Việt Nam

2.1. Kết quả

Qua gần 40 năm đổi mới, giải quyết các vấn đề xã hội đã được nhiều thành tựu quan trọng. Đảng ta luôn chỉ đạo rằng, giải quyết các vấn đề xã hội luôn lấy “con người là trọng tâm” và tất cả vì con người và phát triển con người.

Về giải quyết việc làm, các chính sách về lao động và việc làm của Nhà nước đã có những chuyển biến tích cực. Bộ Luật Lao động, Luật Việc làm là cơ sở pháp lý để đảm bảo quyền làm việc của nhân dân và giải quyết kịp thời các mối quan hệ lao động phát sinh. Lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm năm 2021 là 49,0 triệu người, giảm 1,0 triệu người so với năm 2020²⁴. Tỷ lệ thất nghiệp trong độ lao động của cả nước là 3,2%, cao hơn 0,52 điểm phần trăm năm 2020 (2,68%), trong đó tỷ lệ này ở thành thị là 4,33% và nông thôn là 2,5%²⁵. Sở dĩ giảm là do tác động của đại dịch Covid-19. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo có xu hướng tăng từ 14,3% năm 2008 lên 16,7% năm 2012 và 26,1% năm 2021²⁶.

Về công tác giảm nghèo, trong gần 40 năm đổi mới, Đảng và Nhà nước đã nhất quán trọng thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững đi đôi với khuyến khích làm giàu hợp pháp với tinh thần “không ai bị bỏ lại phía sau”. Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 37,4% năm 1998 xuống còn 14,2% năm 2010²⁷; 9,2% năm 2016 và 4,36% năm 2021²⁸. Thu nhập bình quân nhân khẩu 1 tháng tăng từ 295 nghìn đồng năm 1999²⁹ lên 1,4 triệu đồng năm 2010 lên 4,2 triệu đồng năm 2020³⁰ và năm 2021. Hệ số bất

bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số GINI) giảm từ 0,42 năm 2022 xuống còn 0,43 năm 2010 và 0,37 năm 2021³¹. Đồng thời, kết cấu hạ tầng thiết yếu ở huyện nghèo, xã nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tăng cường. Đời sống người dân không ngừng cải thiện; tạo sinh kế và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

Về an sinh xã hội, bảo hiểm xã hội đã mở rộng đến mọi người lao động, theo 3 nhóm chính sách lớn là bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện và bảo hiểm thất nghiệp. Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đã tăng từ 21,8% năm 2011 lên 32% năm 2019. Bảo hiểm xã hội tự nguyện trong cả giai đoạn 2008 - 2018 chỉ thu hút được hơn 270.000 người tham gia thì hết năm 2019 đã tăng lên 545.000 người. Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp tăng từ 17,1% năm 2011 lên trên 27% năm 2019. Cả nước có 85,39 triệu người tham gia bảo hiểm y tế, chiếm 90% dân số năm 2019, cơ bản bao phủ toàn dân³². Hiện nay, cả nước có trên 3,1 triệu người hưởng chế độ hưu trí và trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng; mỗi năm Quỹ bảo hiểm xã hội chi trả các chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho từ 6 - 10 triệu lượt người³³; kịp thời chăm lo cho người lao động và nhân dân bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

Về chăm sóc sức khỏe cho nhân dân và dân số, chất lượng dân số từng bước được cải thiện, tuổi thọ trung bình đến năm 2019 là 73,6 tuổi và năm 2020 ước đạt 73,7 tuổi; tăng so với năm 2015 là 73,3 tuổi³⁴. Kiểm soát được mức sinh, cả nước đạt mức sinh thay thế. Hệ thống y tế dự phòng từ Trung ương đến địa phương và mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố và phát triển. Đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, từng bước giải quyết được tình trạng quá tải bệnh viện truyền trên và tăng cường thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; phát triển và nhân rộng mô hình bác sĩ gia đình³⁵.

2.2. Hạn chế

Mặc dù có những kết quả tích cực, nhưng thực hiện giải quyết vấn đề xã hội trong thời gian qua vẫn còn tồn tại một số hạn chế, yếu kém như sau:

Về giải quyết việc làm, tỷ lệ không có việc làm, nhất là đối với lao động dân tộc thiểu số thường rất

thấp; nhưng có việc làm bền vững, thu nhập ổn định lại không cao...³⁶. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên qua đào tạo còn thấp và có sự không đều ở giữa các vùng kinh tế - xã hội trong cả nước³⁷.

Về công tác giảm nghèo, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi còn rất cao, giảm nghèo thiếu bền vững. Khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn rất khó khăn. Theo Tổng Cục thống kê, tỷ lệ hộ nghèo theo tiếp cận đa chiều ở thành thị chỉ còn 1,5% so với 9,6% của nông thôn. Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo của các hộ dân tộc vùng dân tộc thiểu số là 35,5%, mặc dù có giảm so với năm 2015 nhưng vẫn cao gấp 3,5 lần tỷ lệ chung của toàn quốc³⁸. Tình trạng phân hóa giàu nghèo còn diễn biến phức tạp, chênh lệch giữa nhóm có thu nhập cao nhất và thấp nhất là 9,2 lần năm 2010; 10,2 lần năm 2019 và 8,1 lần năm 2020³⁹.

Về an sinh xã hội, nhóm người dân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp rất ít có điều kiện tham gia vào bất kỳ loại bảo hiểm xã hội nào⁴⁰. Người nghèo ít có cơ hội tiếp cận các dịch vụ y tế hiện đại so với người giàu có. Người dân có điều kiện kinh tế khá giả thường có xu hướng lựa chọn cơ sở y tế tư nhân vì nó vừa nhanh chóng, thủ tục đơn giản, thái độ phục vụ cũng tốt hơn. Tình trạng lạm dụng quỹ bảo hiểm và nợ bảo hiểm vẫn còn gia tăng⁴¹.

Về chăm sóc sức khỏe cho nhân dân và dân số, chưa kiểm soát được tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh; chất lượng tuổi thọ chưa cao; tầm vóc con người Việt Nam còn thấp so với một số nước trong khu vực. Bạo lực gia đình và bạo lực trẻ em vẫn còn tiếp diễn. Chất lượng dịch vụ y tế, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào thiểu số còn nhiều khó khăn, có mặt còn bất cập⁴².

3. Gợi ý giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết vấn đề xã hội trong thời gian tới

Thứ nhất, tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với giải quyết các vấn đề xã hội. Xác định Đảng Cộng sản Việt Nam có vai trò trọng tâm và Nhà nước đóng vai trò chủ đạo trong thực hiện giải quyết các vấn đề xã hội. Đảng lãnh đạo, chỉ đạo cả hệ thống chính trị thực hiện nghiêm minh, có hiệu quả trong giải quyết các vấn đề xã hội. Luôn chú trọng yếu tố con người và

phát triển con người trong mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước. Xử lý nghiêm đối với những chủ thể chưa làm tốt hoặc sai phạm trong giải quyết các vấn đề xã hội mà gây hậu quả nghiêm trọng đối với lợi ích nhân dân.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả giải quyết tốt vấn đề lao động, việc làm và tăng thu nhập cho người lao động. Đây mạnh hoạt động đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng cho lực lượng lao động theo hướng gắn nhu cầu thị trường lao động; phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và doanh nghiệp trong công tác hướng nghiệp cho học sinh; đẩy mạnh công tác phân luồng trong giáo dục. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa đào tạo nghề và giải quyết việc làm nhằm tạo nhiều cơ hội việc làm và cải thiện thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng tính kỷ luật, tác phong công nghiệp cho lực lượng lao động phù hợp với bối cảnh công nghiệp 4.0. Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với thu hút đầu tư và tạo nhiều việc làm bền vững cho lực lượng lao động, đặc biệt là lao động nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa và vùng biên giới.

Thứ ba, tiếp tục hoàn thiện các chính sách xã hội phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội. Rà soát lại những chính sách chưa hiệu quả và khả năng, điều chỉnh lại cho phù hợp điều kiện thực tế. Xây dựng hệ thống chính sách xã hội nói chung, chính sách an sinh xã hội nói riêng gắn với đặc điểm, điều kiện kinh tế - xã hội, văn hóa của từng vùng, miền, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục xã hội hóa hoạt động an sinh xã hội nhằm làm tăng mạng lưới an sinh; tiếp tục mở rộng đối tượng an sinh xã hội, đặc biệt là nhóm đồng bào dân tộc thiểu ở vùng sâu, vùng xa. Thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các nhóm dân tộc Kinh và đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Thứ tư, đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững theo tiếp cận đa chiều. Các giải pháp giảm nghèo cần chú ý đến tạo lực vươn lên thoát nghèo của hộ nghèo; quan tâm đến các nguyên nhân xã hội của nghèo đói. Đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững trong đồng bào dân tộc thiểu số và ở nông thôn, vùng sâu, vùng biên giới, hải đảo. Tiếp tục thực hiện

các chính sách, chương trình giảm nghèo, trong đó chú trọng vào các chính sách hỗ trợ tư liệu sản xuất cho người nghèo. Chú trọng đến việc năng lực giảm nghèo cho đội ngũ cán bộ làm công tác này. Rà soát và điều chỉnh tiêu chí đánh giá hộ nghèo phù hợp điều kiện thực tế hiện nay.

Thứ năm, thích ứng quá trình già hóa dân số, kiểm soát tình trạng mất cân bằng giới khi sinh. Nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành về xu hướng già hóa dân số để có thể xây dựng và thực thi các chương trình thích ứng vấn đề này một cách có hiệu quả. Coi trọng công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, tuyên truyền và vận động xây dựng lối sống lành mạnh làm chậm lại sự già hóa và nâng cao chất lượng sức khỏe của người cao tuổi, đặc biệt là các địa phương có chỉ số già hóa cao. Xây dựng cơ sở vật chất và nguồn nhân lực, ngân sách trong công tác đầu tư chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, đặc biệt là người cao tuổi. Tạo việc làm phù hợp với sức khỏe của các nhóm đối tượng để tăng thu nhập cho người cao tuổi, đặc biệt là người cao tuổi ở nông thôn. Vận động nhân dân tích cực rèn luyện thân thể. Đẩy mạnh công tác truyền thông dân số nhằm thay đổi hành vi sinh sản của người dân. Tiếp tục thực hiện đề án giảm thiểu tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh. Lồng ghép dân số vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Điều chỉnh chính sách dân số phù hợp tình hình mới hiện nay.

Thứ sáu, đẩy mạnh công tác thúc đẩy bình đẳng giới và xây dựng gia đình hạnh phúc. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giới để thay đổi hành vi ứng xử một cách công bằng giới trong đội ngũ cán bộ và người dân. Lồng ghép nội dung, kiến thức giới trong giảng dạy ở các cấp học; Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện Chính trị các khu vực tiếp tục đưa kiến thức giới và bình đẳng giới, gia đình hạnh phúc bền vững vào trong chương trình cao cấp lý luận chính trị. Tăng cường tỷ lệ cán bộ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý. Tạo cơ hội và điều kiện cho phụ nữ nâng cao trình độ và tham gia vào nhiều hoạt động xã hội. Lồng ghép giới vào các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giới nhằm thay đổi quan niệm “chồng chúa vợ tôi”; thực hiện dân chủ hóa trong đời sống hôn nhân; tuyên truyền vận động

thực hiện phân công lao động theo giới trong gia đình một cách bình đẳng; tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia vào hoạt động sản xuất, tăng thu nhập; ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng bạo hành gia đình; có chế tài mạnh mẽ đối với các hành vi vi phạm Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng chống bạo lực gia đình.

4. Kết luận

Giải quyết vấn đề xã hội gắn với vì con người và phát triển con người là chủ trương chỉ đạo xuyên suốt của Đảng ta trong gần 40 năm qua và đây là thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhờ vậy, giải quyết vấn đề xã hội đã có nhiều kết quả đáng trân trọng, góp phần tích cực vào phát triển con người và đảm bảo an ninh con người, an ninh xã hội. Tuy nhiên, giải quyết vấn đề xã hội ở nước ta vẫn còn tồn tại một số hạn chế, yếu kém. Từ những hạn chế, yếu kém đó và cộng với bối cảnh xã hội trong nước và quốc tế đang chuyển biến khó lường, dễ phát sinh nhiều vấn đề xã hội khác, Đảng và Nhà nước ta càng nỗ lực nhiều hơn nữa để giải quyết các vấn đề xã hội có hiệu quả trong thời gian tới. Vì thế, tiếp tục giải quyết các vấn đề xã hội vì con người và phát triển con người là chủ trương lớn, chỉ đạo xuyên suốt của Đảng để khẳng định bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Tất cả chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước là vì một đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc, đảm bảo an ninh con người, an ninh xã hội. Nói tóm lại, giải quyết vấn đề xã hội vì con người là thuộc tính cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

1. Đinh Thế Huynh, Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Vũ Văn Hiền và Nguyễn Việt Thông: *30 năm đổi mới và phát triển ở Việt Nam*, Nxb CTQG, H, 2015, tr. 172.

2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 21, 22, 23. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội*

Đang thời kỳ đổi mới, (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII), Nxb CTQG - ST, H, Phần I, tr. 30; tr. 84 - 85; tr. 85; tr. 85; tr. 85 - 95; tr. 397; tr. 648; tr. 648; tr. 649; tr. 923; tr. 1000; Phần II, tr. 115 - 116; tr. 378; tr. 503; tr. 677; tr. 677; tr. 506; tr. 328; Phần I, tr. 871;

18, 19, 20, 35, 42. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t. 1, Nxb CTQG - ST, H, 2021, tr. 212 - 213; tr. 116; tr. 202; t. 2, tr. 46 - 47; t. 1, tr. 85 - 86.

24, 25, 37. Tổng Cục Thống kê: *Điều tra lao động và việc làm năm 2021*, Nxb Thống kê, H, 2022, tr. 26, tr. 47, tr. 23.

26, 27, 28, 29, 31. PX Web - General Statistics Office of Vietnam (gso.gov.vn), truy cập 20-5-2023.

30, 39. Tổng Cục Thống kê: *Điều tra mức sống dân cư Việt Nam năm 2020*, Nxb Thống kê, H, 2021, tr. 386, tr. 386.

32, 33. Lê Tấn Dũng: *Việt Nam hướng đến xây dựng một hệ thống an sinh xã hội bền vững*, 2021, https://www.tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/viet-nam-huong-den-xay-dung-mot-he-thong-an-sinh-xa-hoi-ben-vung, truy cập 20-5-2023.

34. Tổng Cục thống kê: *Kết quả điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb Thống kê, H, 2019,

36. Sỹ Hào: *Chính sách an sinh xã hội: “chuẩn hóa” để thích ứng với thách thức mới*, 2019, <https://baodantoc.vn/chinh-sach-an-sinh-xa-hoi-chuan-hoa-de-ung-pho-thach-thuc-moi-1571197498089.htm>, truy cập 22-07-2020.

38. Ủy ban dân tộc và Tổng Cục thống kê: *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, Nxb Thống kê, H, 2020, tr. 49.

40. UNDP: *Kết quả điều tra chỉ số quản trị và hiệu quả hành chính sách cấp tỉnh năm 2019*, H, 2020, tr. 27.

41. Bảo Ngọc: *Quy bảo hiểm xã hội 728.000 tỷ đồng, đầu tư thu lãi 42,7000 tỷ đồng*, 2020, <https://tuoitre.vn/quy-bao-hiem-xa-hoi-728-000-ti-dau-tu-thu-lai-42-700-ti-dong-20200524084434966.htm>, truy cập 22-7-2020.

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC CỦA MỸ KHI TRIỂN KHAI...

Tiếp theo trang 100

muốn của Mỹ mà các nước khác buộc phải tuân theo. Nó phải mang lại nhiều lợi ích hơn so với các thỏa thuận hiện có và tính đến lợi ích kinh tế của các nước thành viên, chứ không chỉ tính tới lợi ích địa chính trị của Mỹ. Chỉ có như vậy thì 14 nước đã ký kết tham gia đàm phán khuôn khổ này mới kiên định theo đuổi đến cùng.

1. Thông tấn xã Việt Nam: *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, số chuyên đề tháng 9 - 2022, tr. 32.

2, 6, 7, 8. Murray Hiebert: *Dưới cái bóng của Bắc Kinh- Thách thức mang tên Trung Quốc của Đông Nam Á*, sách dịch và lưu hành nội bộ, Nxb CTQG - ST, H, 2022, tr. 328., tr. 311, tr. 313, tr. 396.

3, 4. Bush Doshi: *Cuộc chiến dài hơi - Đại chiến lược của Trung Quốc nhằm thay đổi trật tự của Mỹ*, sách dịch, Nxb CTQG - ST, H, 2022, tr. 171, tr. 429.

4. Thông tấn xã Việt Nam: *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, số chuyên đề tháng 12 - 2022, tr. 41.